

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04-5-2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng;

Bà Võ Thị Tuyết Nhung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Mai Mỹ Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 07/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2026/QĐH-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phan Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số A, khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị đơn:** Ông Phan Văn S, sinh năm 1987; địa chỉ: khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Nhà trọ Phan Văn H, Tổ A, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2025, bản tự khai ngày 14/4/2026 của nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày: Bà T và ông Phan Văn S tự nguyện quen biết, chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83, quyển số 01/2011 cấp ngày 19/07/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2013 thì ly thân cho đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà T với ông S có 01 con chung là Phan Cẩm V, sinh ngày 28/01/2005. Hiện con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn S đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vắng mặt không lý do.

Theo kết quả xác minh ngày 23/01/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh, đại diện Công an phường T cung cấp thông tin như sau: Ông S đăng ký tạm trú tại Nhà T, tổ A, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay ông S không còn tạm trú tại địa chỉ này, đi đâu làm gì thì Công an phường T không rõ. Tòa án đã thông báo yêu cầu nguyên đơn cung cấp địa chỉ cư trú mới của bị đơn nhưng nguyên đơn không cung cấp được.

Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo cho ông S trên phương tiện thông tin đại chúng về việc triệu tập ông S đến Tòa án vào lúc 08 giờ ngày 14/4/2026 để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập tham gia phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 28/4/2026 và ngày 04/5/2026 nhưng ông S vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông S. Ông S có địa chỉ tạm trú Nhà trọ Phan Văn H, Tổ A, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025, yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, bị đơn

vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông S quen biết, tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 83/2011, ngày 19/07/2011 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S vì cho rằng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, hiện không còn tình cảm với nhau, ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Ông S đã được Tòa án tổng đặt, niêm yết văn bản tố tụng về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S không đến Tòa án và cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn với ông S là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phan Cẩm V, sinh ngày 28/01/2005. Con đã thành niên và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T đối với bị đơn ông Phan Văn S. Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Phan Văn S.

2. Về con chung: Phan Cẩm V, sinh ngày 28/01/2005 đã trưởng thành nên Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào 300.000 đồng bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0052016 ngày 23/12/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- P.THADS khu vực 17 - TP. Hồ Chí Minh;
- UBND p.Thuận An, TP. Hồ Chí Minh;
- Dương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Bích Huê